

BIỂU SỐ 16/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC KINH DOANH THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG THEO THỦ TỤC SƠ THẨM

- **Dòng 1 (Số đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án trả lại):** Thống kê số đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án trả lại cho người khởi kiện, người yêu cầu trong kỳ thống kê (Điều 192, 194, 361, 364 BLTTDS).

- **Dòng 2 (Số vụ, việc có khiếu nại của đương sự, kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** Thống kê số khiếu nại của đương sự, số kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê.

- **Dòng 3 (Tr. đó: Số bản kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện đơn yêu cầu):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê (Khoản 1 Điều 194, Khoản 3 Điều 364 BLTTDS).

- **Dòng 4 (Số vụ, việc Tòa án mở phiên họp giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** Thống kê số việc tòa án đã mở phiên họp giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện đơn yêu cầu trong kỳ thống kê (Khoản 3 Điều 194, Khoản 3 Điều 364 BLTTDS).

- **Dòng 5 (Tr. đó: Số kiến nghị của VKS):** Thống kê số việc tòa án đã mở phiên họp giải quyết kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Số vụ, việc Tòa án chấp nhận khiếu nại, kiến nghị):** Thống kê số việc tòa án đã chấp nhận khiếu nại của đương sự, kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Tr.đó: Số vụ, việc Tòa án chấp nhận kiến nghị của VKS):** Thống kê số việc tòa án đã chấp nhận kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Tr.đó: Số phiên họp có KSV tham gia):** Thống kê số việc Tòa án đã mở phiên họp giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và có kiểm sát viên tham gia trong kỳ thống kê.

- **Dòng 9 (Số vụ, việc VKS tiếp tục kiến nghị lên Tòa án cấp trên):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với Chánh án tòa án trên một cấp (Khoản 5 Điều 194), Chánh án Tòa án Tòa án nhân dân cấp cao hoặc chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu (Khoản 7 Điều 194) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 10 (Số vụ, việc Tòa án cấp trên chấp nhận kiến nghị của VKS):** Thống kê số việc tòa án cấp trên đã chấp nhận kiến nghị của VKS về việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Số vụ, việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ, việc còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 12 (Số vụ, việc TĐC được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ, việc dân sự đã bị tạm đình chỉ trong các kỳ thống kê trước nhưng trong kỳ thống kê này lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 214 BLTTDS không còn và Tòa án ra QĐ tiếp tục giải quyết (Điều 216 BLTTDS).

- **Dòng 13 (Số vụ việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số vụ, việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê (Điều 196 BLTTDS)

Dòng 13 = Tổng số các Dòng từ 14 đến 28.

- **Từ dòng 14 đến dòng 28:** Căn cứ vào quyết định thụ lý của Tòa án để thống kê vào một dòng, cột tương ứng với mỗi loại vụ, việc.

- **Dòng 29 (Số vụ, việc Tòa án gửi thông báo cho Viện kiểm sát không đúng thời hạn):** Thống kê số vụ, việc thuộc dòng 13 mà Tòa án gửi thông báo thụ lý cho VKS không đúng thời hạn theo đúng thời gian quy định (khoản 1 Điều 196, khoản 1 Điều 365 BLTTDS).

- **Dòng 30 (Số vụ, việc nhận từ nơi khác chuyển đến):** Thống kê số vụ, việc ở nơi khác chuyển đến VKS trong kỳ thống kê (Khi nhận số chuyển đến, nơi nhận chỉ thống kê số này vào số chuyển đến, không thống kê số này vào số vụ, việc còn lại của kỳ trước hay số mới).

- **Dòng 31 (Số vụ, việc chuyển đi nơi khác):** Thống kê số vụ, việc đã có quyết định chuyển đi nơi khác trong kỳ thống kê

- **Dòng 32 (Tổng số vụ, việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số vụ, việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê

Dòng 32 = Dòng 11 + Dòng 12 + Dòng 13 + Dòng 30-- Dòng 31

- **Dòng 33 (Số vụ, việc VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trong kỳ thống kê để giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm. Vụ việc đó có thể là vụ việc cũ, có thể là vụ việc mới nhưng trong kỳ thống kê VKS mới có văn bản yêu cầu (Khoản 3 Điều 58).

- **Dòng 34 (Số vụ, việc Tòa án thực hiện yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của VKS):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm và Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê (Yêu cầu có thể ở kỳ thống kê trước hoặc trong kỳ thống kê nhưng Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê).

- **Dòng 35 (Số vụ, việc VKS có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ, việc VKS có văn bản trong

kỳ thống kê yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu chứng cứ theo Khoản 4 Điều 106 BLTTDS. Vụ việc đó có thể là vụ việc cũ, có thể là vụ việc mới nhưng trong kỳ thống kê VKS mới có văn bản yêu cầu.

- **Dòng 36 (Số vụ, việc Tòa án đã giải quyết xong):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã giải quyết xong ở cấp sơ thẩm và Tòa án đã chuyển các văn bản giải quyết sang VKS trong kỳ thống kê hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết vụ việc đó trong kỳ thống kê do VKS tham gia phiên tòa hoặc phiên họp sơ thẩm. Các văn bản giải quyết gồm: QĐ đình chỉ, QĐ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bản án hoặc quyết định sơ thẩm (đối với phiên họp) ...

- **Dòng 37 (Tr. đó: Số vụ, việc Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trước phiên tòa):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong kỳ thống kê trên cơ sở biên bản hòa giải thành (biên bản hòa giải thành có thể được lập trong kỳ thống kê hoặc ở kỳ thống kê trước) (khoản 1 Điều 212).

- **Dòng 38 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp trong kỳ thống kê (Điều 217 BLTTDS).

- **Dòng 39 (Tr. đó: Số vụ, việc đình chỉ do đương sự rút đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án do đương sự rút đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong kỳ thống kê (Điều 217 BLTTDS)..

- **Dòng 40 (Số vụ, việc Tòa án đã xét xử hoặc đã mở phiên họp):** Thống kê số vụ Tòa án đã mở phiên tòa hoặc phiên họp đối với việc trong kỳ thống kê.

- **Dòng 41 (Tr. đó: Số vụ, việc thuộc phạm vi tham gia của VKS):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc mở phiên họp trong kỳ thống kê và theo quy định của BLTTDS VKS tham gia (Khoản 2 Điều 21 BLTTDS).

- **Dòng 42 (Tr. đó: Số vụ, việc có kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc mở phiên họp trong kỳ thống kê và có kiểm sát viên tham gia phiên tòa hoặc phiên họp (Khoản 2 Điều 21 ; Khoản 1 Điều 232; Khoản 1 Điều 367 BLTTDS).

- **Dòng 43 (Số vụ án Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã đưa ra xét xử sơ thẩm và Hội đồng xét xử đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa trong kỳ thống kê (Điều 246 BLTTDS).

- **Dòng 44 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ tại phiên tòa hoặc phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử đã ra quyết định đình chỉ tại phiên tòa hoặc phiên họp trong kỳ thống kê (Điều 217 BLTTDS).

- **Dòng 45 (Số việc Tòa án công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài):** Thống kê số việc Tòa án công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài) (Điều 458 BLTTDS).

- **Dòng 46 (Số vụ, việc VKS tổ chức tham gia phiên tòa, phiên họp rút kinh nghiệm):** Thống kê số vụ, việc VKS đã tổ chức tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm trong kỳ thống kê (Lưu ý: Không thống kê phiên tòa do TA tổ chức)

- **Dòng 47 (Số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia):** Thống kê số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia trong kỳ thống kê (Điều 75 BLTTDS).

- **Dòng 48 (Tr. đó: số vụ án có luật sư):** Thống kê số vụ án có luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư trong kỳ thống kê (Điều a, Khoản 2, Điều 75 BLTTDS).

- **Dòng 49 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê)** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (Điều 214 BLTTDS).

- **Dòng 50 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê)** Thống kê các vụ, việc Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ từ các kỳ thống kê trước và trong kỳ thống kê này và đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê các vụ, việc đó vẫn chưa được Tòa án đưa ra để giải quyết tiếp.

Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê = Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ thống kê trước + Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê - Số vụ, việc TĐC được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê (*Dòng 50 = Dòng 50 của kỳ thống kê trước + Dòng 49 - Dòng 12*)

- **Dòng 51 (Số bản án, quyết định tòa án gửi cho VKS):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 52 (Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 53 (Tr. đó: Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về thời hạn, nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê (Điều 212, 217, 220, 269... BLTTDS)

- **Dòng 54 (Số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm (kháng nghị cùng cấp):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê (Điều 279, 442, 461 BLTTDS).

Lưu ý:

+ Kháng nghị đối với bản án, quyết định sơ thẩm giải quyết vụ án thống kê vào cột số vụ.

+ Kháng nghị đối với các quyết định giải quyết việc (việc yêu cầu) thống kê vào cột số việc.

- **Dòng 55 (Tr. đó: Số vụ, việc VKS kháng nghị đối với bản án, quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại, lao động):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại, lao động của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê (Điều 279, 442, 461, 371 BLTTDS).

- **Dòng 56 (Số vụ án VKS kháng nghị đối với các QĐ đình chỉ, tạm đình chỉ của TA):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với các QĐ đình chỉ, tạm đình chỉ của TA (Điều 279, 442, 461 BLTTDS).

- **Dòng 57 (Số vụ, việc báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm):** thống kê số vụ, việc VKS báo cáo VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm trong kỳ thống kê do có căn cứ kháng nghị nhưng đã hết thời hạn kháng nghị đối với VKS cùng cấp và chưa hết thời hạn kháng nghị đối với VKS cấp trên (Điều 280 BLTTDS).

- **Dòng 58 (Số vụ, việc báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm)** Thống kê số vụ án Viện kiểm sát thấy có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và đã có văn bản báo cáo VKS có thẩm quyền kháng nghị trong kỳ thống kê.

- **Dòng 59 (Số vụ, việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ, việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 60 (Tr. đó: Số vụ, việc quá hạn luật định):** Thống kê những vụ, việc Tòa án chưa giải quyết hoặc chưa giải quyết xong nhưng đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử hoặc thời hạn hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS.

- **Dòng 61 (Số quyết định giám định lại của VKSNDTC):** Thống kê số QĐ giám định lại của VKSNDTC trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật... (Khoản 5 Điều 102 BLTTDS).

- **Dòng 62 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án trong kỳ thống kê gồm: Tổng số kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước).

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 16, 17, 18), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa. Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động đã thống kê vào

cột án kinh doanh thương mại rồi thì không thống kê vào cột án lao động nữa, đã thống kê vào số vụ thì không thống kê vào số việc nữa.v.v. Nếu bản kiến nghị về từng vụ, việc thì thống kê vào cột tương ứng.

- **Dòng 63 (Tr. đó: Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước (Điều 140 BLTTDS)

- **Dòng 64 (Về áp dụng thủ tục rút gọn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về áp dụng thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 319 BLTTDS)

- **Dòng 65 (Về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn.

- **Dòng 66 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án đã có văn bản của Tòa án về việc chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 67 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã có văn bản của Tòa án về việc không chấp nhận kiến nghị trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 68 (Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát giải quyết vụ, việc kinh doanh, thương mại, lao động trong kỳ thống kê.

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 16, 17, 18), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa. Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị vụ, việc kinh doanh, thương mại, lao động đã thống kê vào cột án kinh doanh, thương mại rồi thì không thống kê vào cột án lao động nữa, đã thống kê vào số vụ thì không thống kê vào số việc nữa.v.v. Nếu bản kiến nghị về từng vụ, việc thì thống kê vào cột tương ứng.